

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2014*

Trình độ đào tạo:           **ĐẠI HỌC**  
Ngành:                       **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**  
Chuyên ngành:           **KINH TẾ CHÍNH TRỊ**  
Loại hình đào tạo:       **CHÍNH QUY**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo *Cử nhân Quản lý nhà nước, chuyên ngành Kinh tế chính trị* có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, có năng lực giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo trong sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ tổ quốc, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

#### 1.2. Chuẩn đầu ra

##### 1.2.1. Kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Kinh tế chính trị được trang bị những kiến thức chuyên sâu về khoa học quản lý, khoa học kinh tế chính trị trong đó trọng tâm là: các kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, quản lý nhà nước về kinh tế xã hội, khoa học kinh tế chính trị, khoa học kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật; có khả năng nhận thức, phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và giải quyết các vấn đề về quản lý nhà nước, tham mưu cho công tác quản lý kinh tế xã hội của các cơ quan Đảng, nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội; trực tiếp làm công tác quản lý kinh tế xã hội từ cấp trung ương tới địa phương.

##### 1.2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng thuyết trình và truyền đạt thông tin.
- Kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.
- Kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách kinh tế xã hội của ngành, địa phương.
- Sinh viên tốt nghiệp có thể giao tiếp và xử lý tốt các nghiệp vụ quản lý nhà nước về hành chính, kinh tế xã hội, văn phòng trong môi trường làm việc của nhà nước pháp quyền XHCN.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành KTCT có trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu (Common European Framework – CEF).

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý Nhà nước, chuyên ngành Kinh tế chính trị có trình độ B Tin học do Đại học Đà Nẵng cấp.

### **1.2.3. Thái độ và hành vi**

- Trung thành với tổ quốc, chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước và các quy định của cơ quan. Làm việc với tinh thần trách nhiệm và kỷ luật cao, có lối sống lành mạnh;
- Có đạo đức cá nhân và nghề nghiệp. Luôn có tinh thần cải tiến sáng kiến và chuyên nghiệp trong công tác.
- Năng động, bản lĩnh, cầu tiến, tự tin khẳng định bản thân và có tinh thần phục vụ đất nước, phục vụ cộng đồng;
- Hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và trong giao tiếp với nhân dân..

### **1.3. Cơ hội nghề nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Kinh tế chính trị có thể làm các công việc trong các lĩnh vực sau:

- Làm cán bộ quản lý nhà nước ở các cơ quan của Đảng và nhà nước; làm tham mưu cho công tác quản lý kinh tế xã hội, hoạch định chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quản lý kinh tế xã hội ở các cơ quan của Đảng, của Nhà nước thuộc các cấp từ Trung ương đến địa phương.
- Làm cán bộ nghiên cứu các lĩnh vực thuộc phạm vi khoa học quản lý, kinh tế, chính trị, xã hội tại các Viện nghiên cứu, học viện, nhà trường và các cơ quan, ban ngành.
- Làm cán bộ giảng dạy môn về khoa học quản lý, Kinh tế chính trị và các môn khoa học Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học, học viện; các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường chính trị và học viện chính trị.
- Sinh viên ngành Quản lý Nhà nước có thể làm việc cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế về lĩnh vực tổ chức hành chính, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ công hoặc các công việc khác sau khi được trang bị thêm một số kiến thức phù hợp.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý nhà nước, chuyên ngành Kinh tế chính trị được công nhận Trình độ Cao cấp lý luận chính trị theo Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12.5.1999 của Ban Chấp hành TW, Quy định số 12 QĐ/TC-TTVH ngày 09.01.2004 của Ban tổ chức Trung ương và Ban Tư tưởng văn hóa TW.

**2. Thời gian đào tạo:** Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 125 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT, THCN.

**5. Qui trình đào tạo:** Hình thức tín chỉ.

**6. Thang điểm:** Qui chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ

**7. Nội dung chương trình**

**7.1. Kiến thức giáo dục đại cương**

**7.1.1. Lý luận chính trị**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
1	2120201	Các nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lê nin phần 1	2
2	2120251	Các nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lê nin phần 2	3
3	2120211	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3
4	2120061	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>

#### 7.1.2. Khoa học xã hội

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
5	2110051	Xã hội học	2
6	2110042	Đại cương văn hóa Việt Nam	2
7	2120163	Lịch sử văn minh thế giới	2
8	2120093	Logic học	2
<b>Tổng cộng</b>			<b>8</b>

#### 7.1.3. Ngoại ngữ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
9	4270011	Ngoại ngữ đại cương 1	3
10	4270021	Ngoại ngữ đại cương 2	4
<b>Tổng cộng</b>			<b>7</b>

#### 7.1.4. Toán-Tin học – Khoa học tự nhiên

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
11	2150011	Tin học đại cương	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>3</b>

#### 7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
12		Giáo dục thể chất	5

### 7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	Mã học phần	Học phần	
13		Giáo dục quốc phòng	<b>4 tuần</b>

## 7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (95 tín chỉ)

### 7.2.1. Kiến thức cơ sở

#### 7.2.1.1. Kiến thức cơ sở khối ngành

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
14	2120423	Hành chính học	3
15	2120223	Lịch sử các học thuyết chính trị	2
16	2110623	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	4
<b>Tổng cộng</b>			<b>9</b>

#### 7.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
17	2130022	Quản trị học	3
18	2120113	Chính trị học	2
19	2110112	Kinh tế phát triển	3
20	2120072	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>11</b>

### 7.2.2. Kiến thức ngành chính

#### 7.2.2.1 Kiến thức chung của ngành chính

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
21	2150133	Chính phủ điện tử	2
22	2130851	Kinh tế vi mô	3
23	2111221	Kinh tế vĩ mô	3
24	2110513	Kỹ thuật xây dựng văn bản pháp luật	2
25	2111303	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2
26	2160023	Hành chính công	3
27	2120523	Nghiệp vụ văn thư lưu trữ	2
28	2110653	Luật hành chính	2
29	2110643	Luật hiến pháp	3

<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>
------------------	-----------

### 7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
30	2120413	Kinh tế chính trị tư bản chủ nghĩa	3
31	2120403	KTCT XHCN và thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN	3
32	2120373	Lý thuyết kinh tế học hiện đại	3
33	2120493	Quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>12</b>

### 7.2.3. Kiến thức bổ trợ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
34	2150042	Nguyên lý thống kê kinh tế	3
35	2110042	Luật kinh tế	2
36	2140643	Quản lý tài chính dự án đầu tư công	3
37	2110332	Luật lao động	2
38	2110152	Phân tích kinh tế xã hội	3
39	2110162	Chiến lược phát triển Kinh tế xã hội	3
40	2110142	Kỹ thuật tổ chức công sở	2
41	2160062	Kinh tế công cộng	3
42	2120393	An sinh xã hội và các vấn đề xã hội	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>24</b>
<i>Chọn ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>			
43	2010011	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
44	2110723	Luật đất đai	2
45	2110142	Quản lý nhà nước về đô thị	2
46	2120463	Quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường	2
47	2111213	Kinh tế đầu tư	3
48	2110122	Kinh tế môi trường	3
49	2110162	Quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn	2
50	2160573	Kinh tế quốc tế	3

51	2110142	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	2
52	2150062	Hệ thống thông tin quản lý	3
<b>Tổng cộng</b>			<b>21</b>

#### 7.2.4. Đề án môn học và bài tập lớn

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
53	2120153	Đề án môn học: Kinh tế chính trị	2
54		Hoạt động ngoại khóa	2 tuần

#### 7.2.5. Thực tập cuối khóa

STT	Mã học phần	Nội dung	Số tín chỉ
<b>Hình thức 1</b>			
55	2120343	Báo cáo thực tập	4
56		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn trong khối kiến thức của ngành chính	6
<b>Hình thức 2</b>			
57	2120253	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp*	10

\* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

#### 7.2.6. Lộ trình học (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

**HỘI ĐỒNG  
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**